

Số: 38 /KL-TANDTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

KẾT LUẬN**Thanh tra đối với Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và một số đơn vị
Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế**

Thi hành Quyết định số 354/QĐ-TANDTC ngày 09/9/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thanh tra Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân thành phố Huế), Tòa án nhân dân thành phố Huế (nay là Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa và Tòa án nhân dân quận Phú Xuân) và Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (sau đây gọi tắt là các Tòa án). Từ ngày 16/9/2024 đến ngày 20/9/2024, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại các Tòa án. Sau khi tiến hành thanh tra, căn cứ Báo cáo của các Tòa án, Báo cáo kết quả thanh tra, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG**1. Về cơ cấu, tổ chức, nhân sự**

Toà án nhân dân thành phố Huế có 03 tòa chuyên trách, gồm: Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Hành chính; bộ máy giúp việc, gồm: Văn phòng, Phòng Tổ chức cán bộ, Thanh tra và Thi đua khen thưởng, Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án; có 09 Tòa án cấp huyện trực thuộc. Biên chế công chức hiện có 40 người (10 Thẩm phán, 07 Thẩm tra viên, 20 Thư ký Tòa án, 03 công chức, người lao động khác) và 08 người lao động theo hợp đồng.

Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 03 tòa, phòng trực thuộc, gồm: Tòa Dân sự, Tòa Hình sự và Văn phòng. Công chức và người lao động tại đơn vị có 42 người; trong đó, có 15 Thẩm phán, 20 Thư ký Tòa án và 07 công chức, người lao động khác.

Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) có 12 công chức và người lao động, trong đó, có 04 Thẩm phán, 04 Thư ký viên Tòa án (01 Thư ký Tòa án được tăng cường từ tháng 6/2024), 04 công chức, người lao động khác.

2. Số lượng vụ việc và chỉ tiêu công tác của các Tòa án (từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/8/2024)

Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý 1.644 vụ việc các loại (sơ thẩm 1.056 vụ việc; phúc thẩm 588 vụ việc); đã giải quyết 1.269 vụ việc (sơ thẩm 736 vụ việc; phúc thẩm 533 vụ việc), đạt tỷ lệ giải quyết là 77,2%. Trung bình mỗi Thẩm phán giải quyết 42 vụ việc/năm, 4 vụ việc/tháng.

Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) thụ lý 5.972 vụ việc các loại; đã giải quyết 5.219 vụ việc, đạt tỷ lệ giải quyết là 87,4%. Số vụ việc giải quyết trung bình của một Thẩm phán là 116 vụ việc/năm, 10 vụ việc/tháng.

Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) thụ lý 1.569 vụ việc các loại; đã giải quyết 1.533 vụ việc, đạt tỷ lệ giải quyết là 97,7%. Số vụ việc giải quyết trung bình của một Thẩm phán là 128 vụ việc/năm; 10,6 vụ việc/tháng.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các Tòa án còn gặp phải một số khó khăn ảnh hưởng đến việc giải quyết, xét xử các vụ việc là: số lượng vụ án thụ lý tăng hằng năm; tính chất vụ việc ngày càng phức tạp; đương sự không hợp tác, chống đối, cản trở hoạt động tố tụng; một số cơ quan, tổ chức chưa phối hợp chặt chẽ trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật tố tụng ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ việc; ngoài ra, các trang thiết bị phục vụ công tác còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tư pháp và cải cách tư pháp, nhất là công tác tổ chức phiên tòa trực tuyến.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Việc chấp hành pháp luật trong công tác nhận đơn và xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu

1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Đoàn Thanh tra đã nghiên cứu báo cáo của các Tòa án thuộc đối tượng thanh tra; tiến hành kiểm tra sổ theo dõi việc nhận đơn, thụ lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của các Tòa án từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/8/2024; kiểm tra ngẫu nhiên đối với một số hồ sơ về xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của các Tòa án, kết quả như sau:

a) Đối với Tòa án nhân dân thành phố Huế:

- Về nhận đơn, Tòa án đã nhận 800 đơn, trong đó: có 588 đơn nộp trực tiếp tại Tòa án; 212 đơn gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính; không có đơn gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin của Tòa án.

- Về xử lý đơn, Tòa án đã thụ lý, giải quyết 472 đơn; chuyển cho Tòa án khác có thẩm quyền giải quyết 98 đơn; trả lại cho đương sự 91 đơn; 01 trường hợp đơn lưu không giải quyết; chuyển hòa giải, đối thoại 26 đơn (kết quả: 02 trường hợp hòa giải thành, 16 trường hợp chuyển thụ lý, 08 trường hợp đang hòa giải, đối thoại); còn lại 118 đơn.

- Về số lượng đơn vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu:

Theo báo cáo của đơn vị: số đơn khởi kiện, đơn yêu cầu vi phạm thời hạn xử lý trong thời kỳ thanh tra là 79 đơn (42 đơn dân sự, 01 đơn kinh doanh thương mại, 14 đơn hôn nhân và gia đình, 22 đơn hành chính).

Kết quả kiểm tra: đối với số đơn chưa thụ lý tại thời điểm thanh tra có 99 đơn khởi kiện, đơn yêu cầu vi phạm thời hạn xử lý đơn.

b) Đối với Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ):

- Về nhận đơn, Tòa án đã nhận 6.265 đơn, trong đó: có 5.396 đơn nộp trực tiếp tại Tòa án; 869 đơn gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính; không có đơn gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin của Tòa án.

- Về xử lý đơn, Tòa án đã thụ lý, giải quyết 5.939 đơn; trả lại cho đương sự 83 đơn; chuyển hòa giải, đối thoại 121 đơn (kết quả: 73 trường hợp hòa giải thành, 20 trường hợp chuyển thụ lý, 28 đơn xử lý khác); yêu cầu sửa đổi, bổ sung 103 đơn; còn lại 19 đơn.

- Về số lượng đơn vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu:

Theo báo cáo của đơn vị: số đơn khởi kiện, đơn yêu cầu vi phạm thời hạn xử lý trong thời kỳ thanh tra là 71 đơn (56 đơn dân sự, 06 đơn kinh doanh thương mại, 08 đơn lao động).

Kết quả kiểm tra: đối với số đơn chưa thụ lý tại thời điểm thanh tra có 19 đơn khởi kiện, đơn yêu cầu vi phạm thời hạn xử lý đơn.

c) Đối với Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ):

- Về nhận đơn, Tòa án đã nhận 1.415 đơn, trong đó: có 1.128 đơn nộp trực tiếp tại Tòa án; 287 đơn gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính; không có đơn gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin của Tòa án.

- Về xử lý đơn, Tòa án đã thụ lý, giải quyết 1.137 đơn; chuyển cho Tòa án khác có thẩm quyền giải quyết 0 đơn; trả lại cho đương sự 172 đơn; chuyển hòa giải, đối thoại 144 đơn (kết quả: 94 trường hợp hòa giải thành, 50 trường hợp chuyển thụ lý); còn lại 12 đơn.

- Về số lượng đơn vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu:

Theo báo cáo của đơn vị: số đơn khởi kiện, đơn yêu cầu vi phạm thời hạn xử lý trong thời kỳ thanh tra là 08 đơn.

Kết quả kiểm tra: đối với số đơn chưa thụ lý tại thời điểm thanh tra có 12 đơn khởi kiện, đơn yêu cầu vi phạm thời hạn xử lý đơn.

2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

Về cơ bản, các Tòa án đã nhận và xử lý khởi kiện, đơn yêu cầu theo quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 121 Luật tố tụng hành chính và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Kết quả xử lý đơn đã được các Tòa án cập nhật, theo dõi thông qua hệ thống sổ sách và phần mềm theo dõi kết quả.

b) Tồn tại, hạn chế, vi phạm:

- Sổ nhận đơn, sổ thụ lý đơn khởi kiện không ghi đầy đủ, chính xác thông tin: ngày nhận đơn, kết quả xử lý đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1, khoản 4 Điều 121 Luật tố tụng hành chính và chưa

cập nhật đầy đủ các cột, mục theo hướng dẫn tại Quyết định số 289/QĐ-TANDTC ngày 15/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Theo báo cáo của các Tòa án, từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/8/2024 có 158 đơn vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu¹. Qua kiểm tra, đến tại thời điểm thanh tra các Tòa án còn 130 đơn khởi kiện, đơn yêu cầu chưa xử lý, vi phạm thời hạn xử lý đơn theo quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 121 Luật tổ tụng hành chính, trong đó: Tòa án nhân dân thành phố Huế có 99 đơn, Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 19 đơn, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) có 12 đơn. Trong số đơn vi phạm có nhiều đơn quá hạn trên 01 năm nhưng chưa được xử lý (Tòa án nhân dân thành phố Huế có 45 đơn).

(Danh sách đơn chưa thụ lý vi phạm thời hạn xem xét đơn khởi kiện, đơn yêu cầu nêu tại Phụ lục 01)

II. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính về thời hạn giải quyết các vụ việc

1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra các hồ sơ vụ việc của các Tòa án đến thời điểm thanh tra vẫn chưa giải quyết, xét xử; kiểm tra rà soát các loại sổ theo dõi quá trình thụ lý, giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án, kết quả:

a) *Tòa án nhân dân thành phố Huế*: còn 316 vụ việc chưa có kết quả giải quyết (Trong đó, sơ thẩm là 281 vụ việc, gồm: 158 vụ việc dân sự, 65 vụ việc hôn nhân và gia đình, 06 vụ việc kinh doanh thương mại, 52 vụ án hành chính; phúc thẩm là 35 vụ việc, gồm: 29 vụ việc dân sự, 04 vụ việc kinh doanh thương mại, 02 vụ việc lao động).

b) *Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ)*: còn 691 vụ việc chưa có kết quả giải quyết (gồm: 418 vụ việc dân sự, 189 vụ việc hôn nhân và gia đình, 82 vụ việc kinh doanh thương mại, 02 vụ việc lao động).

c) *Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ)*: còn 36 vụ việc chưa có kết quả giải quyết (gồm: 33 vụ việc dân sự, 02 vụ việc kinh doanh thương mại, 01 vụ việc phá sản).

2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

Về cơ bản, các Tòa án đều chấp hành quy định của pháp luật về thời hạn chuẩn bị giải quyết, xét xử; phần lớn các vụ, việc được giải quyết, xét xử đúng thời hạn.

b) Tồn tại, hạn chế, vi phạm:

- Theo báo cáo của các Tòa án, từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/8/2024 có 398 vụ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử². Qua kiểm tra, có 199 vụ việc đã giải

¹ Tòa án nhân dân thành phố Huế có 79 đơn, Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 71 đơn, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) có 08 đơn.

² Tòa án nhân dân thành phố Huế có 170 vụ việc; Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 226 vụ việc, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) có 02 vụ việc.

quyết xét xử hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử; 199 vụ việc còn lại vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 và Điều 286 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 130 Luật tố tụng hành chính, trong đó: Tòa án nhân dân thành phố Huế 99 vụ việc; Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) 100 vụ việc.

- Trong số các vụ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử có một số vụ việc Tòa án đã thụ lý trong một thời gian rất dài nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Huế có: 01 vụ việc thụ lý từ năm 2012, 02 vụ việc thụ lý từ năm 2017, 02 vụ việc thụ lý từ năm 2018 và 07 vụ việc thụ lý từ năm 2019; Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có: 01 vụ việc thụ lý từ năm 2015, 02 vụ việc thụ lý từ năm 2017, 01 vụ việc thụ lý từ năm 2018 và 03 vụ việc thụ lý từ năm 2019.

c) *Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:* do số lượng vụ việc các Tòa án phải giải quyết ngày càng tăng; các vụ án quá thời hạn giải quyết đều là vụ việc phức tạp về dân sự, hôn nhân và gia đình liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất, chia thừa kế, cần phải xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đương sự không hợp tác, vụ án có yếu tố nước ngoài...

(Danh sách các vụ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nêu tại Phụ lục 02)

III. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính trong tạm đình chỉ giải quyết các vụ việc

1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Tại thời điểm thanh tra, các Tòa án thuộc đối tượng thanh tra có 339 vụ án tạm đình chỉ giải quyết, cụ thể:

a) *Tòa án nhân dân thành phố Huế* có 33 vụ án tạm đình chỉ giải quyết (gồm: 23 vụ án dân sự, 02 vụ án kinh doanh thương mại, 06 vụ án hành chính, 01 vụ án hôn nhân và gia đình, 01 vụ án hình sự); trong đó: có 12 vụ án đã xét xử, 8 vụ án có quyết định tiếp tục giải quyết, 13 vụ án đang tạm đình chỉ giải quyết.

b) *Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ)* có 244 vụ án tạm đình chỉ giải quyết³ (gồm: 224 vụ án dân sự, 19 vụ án kinh doanh thương mại, 01 vụ án hôn nhân và gia đình); trong đó: có 158 vụ án đã giải quyết, 86 vụ án đang tạm đình chỉ giải quyết.

c) *Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ)* có 62 vụ án tạm đình chỉ giải quyết (gồm: 53 vụ án dân sự, 09 vụ án kinh doanh thương mại); trong đó: có 21 vụ án đã giải quyết, có 41 vụ án đang tạm đình chỉ giải quyết.

2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

Về cơ bản, các Thẩm phán được phân công giải quyết các vụ án đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

³ Theo báo cáo, Tòa án nhân dân thành phố Huế có 262 vụ án tạm đình chỉ. Qua thanh tra, kiểm tra có 17 vụ án Tòa án thống kê trùng, 01 vụ là đình chỉ nhưng thống kê vào tạm đình chỉ do lấy số vào tạm đình chỉ, còn lại 244 vụ án tạm đình chỉ giải quyết.

b) Tồn tại, hạn chế, vi phạm:

- Có 01 vụ án của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) lý do tạm đình chỉ đã hết nhưng đến thời điểm thanh tra, Thẩm phán không ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 216 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Có 21 vụ án, trong đó: Tòa án nhân dân thành phố Huế có 03 vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 13 vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) 05 vụ án; Thẩm phán ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án chậm theo quy định tại Điều 216 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Có 35 vụ án, trong đó: Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 33 vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) có 02 vụ án; tạm đình chỉ với thời hạn kéo dài, nhưng Thẩm phán không theo dõi, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân khắc phục những lý do dẫn tới vụ án bị tạm đình chỉ để kịp thời đưa vụ án ra giải quyết là thực hiện chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 215 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Có 28 vụ án, trong đó: Tòa án nhân dân thành phố Huế có 09 vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 19 vụ án; Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết nhưng không ghi điều khoản áp dụng làm căn cứ pháp lý để tạm đình chỉ quy định tại Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 141 Luật tố tụng hành chính.

- Có 15 vụ án dân sự, trong đó: Tòa án nhân dân thành phố Huế có 01 vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 05 vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) có 09 vụ án; không xác định được nguồn và thời gian tài liệu, chứng cứ được cung cấp cho Tòa án, do đó dẫn đến không xác định, đánh giá được thời hạn ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết của vụ án theo quy định tại Điều 216 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, các Tòa án còn có một số thiếu sót khác như: hồ sơ không có tài liệu thể hiện đã gửi quyết định tạm đình chỉ cho đương sự, Viện kiểm sát; sai sót về ngày tháng trong các quyết định; hồ sơ không đánh bút lục gây khó khăn trong việc theo dõi, kiểm tra...

(Danh sách các vụ án tạm đình chỉ có thiếu sót, nêu tại Phụ lục 03)

IV. Thanh tra trách nhiệm của Thẩm phán trong việc ban hành các bản án, quyết định bị hủy, sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan và việc tổ chức thực hiện Quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân theo Quyết định số 120/QĐ-TANDTC (sau đây gọi là *Quyết định số 120*)

1. Trách nhiệm của Thẩm phán trong việc ban hành các bản án, quyết định bị hủy, sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan (theo nhiệm kỳ của Thẩm phán)

1.1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Đoàn Thanh tra đã nghiên cứu báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của 29 Thẩm phán, gồm: 10 Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Huế, 15 Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ), 04 Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ). Kiểm tra các bản án, quyết định bị hủy, sửa nghiêm trọng thuộc trách nhiệm của Thẩm phán; kết quả xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà

Năng và các Vụ Giám đốc, kiểm tra Tòa án nhân dân tối cao; rà soát sổ theo dõi công tác thụ lý và kết quả giải quyết, xét xử các vụ án của các Tòa án, cụ thể:

a) Tòa án nhân dân thành phố Huế:

Trong nhiệm kỳ Thẩm phán, các Thẩm phán đã giải quyết, xét xử 2.485 vụ, việc. Có 12 bản án, quyết định bị hủy, chiếm tỷ lệ 0,48% (trong đó có 09 bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán, chiếm tỷ lệ 0,36%; có 03 bản án, quyết định bị hủy do khách quan, chiếm tỷ lệ 0,12%). Có 33 bản án, quyết định bị sửa, chiếm tỷ lệ 1,32% (trong đó có 13 bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan của Thẩm phán, chiếm tỷ lệ 0,52%; có 19 bản án, quyết định bị sửa không nghiêm trọng và khách quan, chiếm tỷ lệ 0,76%).

b) Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ):

Trong nhiệm kỳ Thẩm phán, các Thẩm phán đã giải quyết, xét xử 6.042 vụ, việc. Có 14 bản án, quyết định bị hủy, chiếm tỷ lệ 0,23% (trong đó có 13 bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán, chiếm tỷ lệ 0,21%; có 01 bản án, quyết định bị hủy do khách quan, chiếm tỷ lệ 0,02%). Có 56 bản án, quyết định bị sửa, chiếm tỷ lệ 0,93% (trong đó có 09 bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan của Thẩm phán, chiếm tỷ lệ 0,15%; có 47 bản án, quyết định bị sửa không nghiêm trọng và khách quan, chiếm tỷ lệ 0,78%).

c) Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ):

- Trong nhiệm kỳ Thẩm phán, các Thẩm phán đã giải quyết, xét xử 2.135 vụ, việc. Có 02 bản án, quyết định bị hủy, chiếm tỷ lệ 0,09% (đều do lỗi chủ quan của Thẩm phán). Có 15 bản án, quyết định bị sửa, chiếm tỷ lệ 0,7% (trong đó có 01 bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan của Thẩm phán, chiếm tỷ lệ 0,04%; có 14 bản án, quyết định bị sửa không nghiêm trọng và khách quan, chiếm tỷ lệ 0,65%).

1.2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

- Các Tòa án đã thụ lý, giải quyết với số lượng án lớn; kết quả giải quyết, xét xử đều đạt tỷ lệ cao. Hàng năm, tổng số bản án, quyết định bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan đều dưới 1,16% trên tổng số các loại án; chưa phát hiện trường hợp nào xét xử làm oan người vô tội. Có 28/29 Thẩm phán có tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan dưới 1,16%.

- Qua kiểm tra không có bản án xử phạt bị cáo hình phạt cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật.

- Không có bản án, quyết định không đúng pháp luật, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân dẫn đến việc Tòa án phải bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

b) Hạn chế, thiếu sót, vi phạm:

- Việc cung cấp bản án, quyết định bị hủy, sửa cho Đoàn Thanh tra của Tòa án nhân dân thành phố Huế và Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) còn chậm và không đầy đủ.

- Căn cứ tài liệu trong quá trình thanh tra thu thập được và các Tòa án cung cấp, tại thời điểm thanh tra có 01 Thẩm phán của Tòa án nhân dân thành phố Huế có bản án bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ trên 1,16% trên tổng số vụ, việc đã tham gia giải quyết, xét xử (Thẩm phán Bùi Văn Thanh 1,2%) vi phạm khoản 7 Điều 9 Quyết định 120.

(Danh sách Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy, sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan nêu tại Phụ lục 04).

2. Việc tổ chức thực hiện Quyết định số 120

2.1. Công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện Quyết định số 120

Thực hiện Quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân, Ban cán sự đảng, lãnh đạo Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kịp thời lãnh đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, nghiêm túc đến toàn thể công chức trong Tòa án hai cấp thành phố Huế. Hằng năm, kỳ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thẩm phán, các Tòa án đều có sự rà soát cụ thể, xử lý kịp thời những trường hợp có vi phạm, áp dụng mức trách nhiệm phù hợp đảm bảo nghiêm minh và tạo sự đồng thuận cao.

2.2. Kiểm tra kết quả xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp

2.2.1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/8/2024, Tòa án hai cấp thành phố Huế có 02 Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm theo Quyết định số 120⁴. Cụ thể, 02 Thẩm phán bị xử lý bằng hình thức “Tạm dừng bổ nhiệm lại Thẩm phán trong thời hạn 06 tháng”, gồm: ông Trần Dũng và bà Nguyễn Hương Lan, cả hai đều là Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ).

2.2.2. Nhận xét đánh giá

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Quyết định số 120, thời gian chưa xem xét, đề nghị bổ nhiệm lại đối với 02 Thẩm phán: Thẩm phán Nguyễn Hương Lan có bản án xử phạt 01 bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và Thẩm phán Trần Dũng có bản án xử phạt hình phạt tiền (là hình phạt chính) là 09 tháng. Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Huế xử lý trách nhiệm tạm dừng bổ nhiệm lại đối với 02 Thẩm phán trong thời hạn 06 tháng. Tòa án nhân dân thành phố Huế có giải trình: tại thời điểm xử lý trách nhiệm cả hai Thẩm phán Nguyễn Hương Lan và Trần Dũng đã hết thời hạn bổ nhiệm được 03 tháng. Vì vậy, xử lý tạm dừng bổ nhiệm lại đối với 02 Thẩm phán trong thời hạn 06 tháng là vừa đủ thời gian chưa xem xét bổ nhiệm lại Thẩm phán trong thời hạn 09 tháng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16

⁴ Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/8/2024 Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Huế không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật theo Luật Cán bộ, công chức

Quyết định số 120 (tính từ ngày hết nhiệm kỳ, ngày 08/12/2021 đến ngày được bổ nhiệm lại, ngày 31/8/2022). Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Huế rút kinh nghiệm trong việc xử lý kịp thời khi Thẩm phán có vi phạm.

V. Việc chấp hành pháp luật trong công tác thi hành án hình sự

1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Công tác thi hành án hình sự được thanh tra bao gồm: công tác ra quyết định thi hành án, công tác ủy thác và nhận ủy thác thi hành án; công tác hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; công tác xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện và xét giảm thời gian thử thách của án treo.

a) Tòa án nhân dân thành phố Huế

- Theo báo cáo của đơn vị: Trong kỳ thanh tra, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã ra 663 quyết định thi hành án /663 bị án, nhận ủy thác 08 trường hợp, ủy thác đi 16 trường hợp, hoãn chấp hành hình phạt tù 33 trường hợp/46 trường hợp có đơn xin hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cho 18 trường hợp, tha tù trước thời hạn có điều kiện cho 104 trường hợp/111 trường hợp được đề nghị, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù 4.183 trường hợp/4232 trường hợp đề nghị.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra:

+ Việc ra quyết định thi hành án: Tòa án nhân dân thành phố Huế đã ra quyết định thi hành án đối 653 bị án (chênh thấp hơn so với báo cáo 10 quyết định); trong đó, có 541 bị án thi hành án phạt tù, 99 bị án thi hành án treo, 10 bị án thi hành án cải tạo không giam giữ, 03 bị án thi hành án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề. Đoàn Thanh tra đã kiểm tra ngẫu nhiên 224 hồ sơ ra quyết định thi hành án trong các tháng 8,10, 12/2022; tháng 3, 10, 11/2023; tháng 6,7/2024.

+ Ủy thác thi hành án: đã ủy thác đối với 18 trường hợp (chênh nhiều hơn so với báo cáo 02 trường hợp), nhận ủy thác 08 trường hợp.

+ Việc hoãn chấp hành án phạt tù: đã xem xét, quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho 33 trường hợp (12 trường hợp là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, 08 bị án bị bệnh nặng, 12 trường hợp với lý do là lao động duy nhất trong gia đình, 01 trường hợp nuôi con bị bệnh down, tim bẩm sinh); tại thời điểm thanh tra có 21 trường hợp đã chấp hành án; 12 trường hợp đang trong thời gian tạm hoãn chấp hành án.

+ Ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án phạt tù cho 18 trường hợp (06 trường hợp là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, 12 trường hợp bị bệnh nặng). Tại thời điểm thanh tra có 04 trường hợp đã đi chấp hành án, 03 trường hợp đã chết, 11 trường hợp đang trong thời gian tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

+ Tổ chức 18 đợt xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho 4.183 trường hợp. Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên hồ sơ xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với: 23 trường hợp tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt tết Nguyên đán năm 2024) và 25 bị án tại Trại giam Bình Điền, Bộ Công an (đợt tết Nguyên đán năm 2023).

+ Đã tổ chức 18 đợt xét tha tù trước thời hạn có điều kiện cho 104 trường hợp trong tổng số 111 trường hợp được đề nghị.

b) Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ)

- Theo báo cáo của đơn vị: Trong kỳ thanh tra, Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) đã ra 1.701 quyết định thi hành án/1.701 bị án, ủy thác thi hành án 156 trường hợp, hoãn chấp hành hình phạt tù 38 trường hợp, xét giảm thời gian thử thách của án treo đối với 268 trường hợp.

- Kết quả kiểm tra, thanh tra:

+ Việc ra quyết định thi hành án: Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) đã ra quyết định thi hành án đối với 1.684 bị án (chênh thấp hơn so với báo cáo 17 trường hợp), trong đó, có 1.267 bị án thi hành án phạt tù, 307 bị án thi hành án treo, 110 bị án thi hành án cải tạo không giam giữ. Đoàn thanh tra đã kiểm tra ngẫu nhiên 207 hồ sơ ra quyết định thi hành án trong các tháng 02/2022; tháng 5,10/2023 và tháng 3/2024.

+ Ủy thác thi hành án 160 trường hợp; nhận ủy thác 193 trường hợp.

+ Việc hoãn chấp hành án phạt tù: đã xem xét, quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho 46 trường hợp (19 trường hợp là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, 08 trường hợp bị bệnh nặng, 17 trường hợp với lý do là lao động duy nhất trong gia đình, 02 trường hợp đang có thai); tại thời điểm thanh tra có 35 trường hợp đã chấp hành án, 11 trường hợp đang trong thời gian tạm hoãn chấp hành án.

+ Việc xét giảm thời gian thử thách của án treo: đã xét giảm thời gian thử thách của án treo đối với 292 trường hợp (chênh nhiều hơn so với báo cáo 24 trường hợp).

c) Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ)

- Theo báo cáo của đơn vị: Trong thời kỳ thanh tra, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) đã ra 383 quyết định thi hành án/383 bị án, nhận ủy thác 14 trường hợp, ủy thác thi hành án 76 trường hợp, hoãn chấp hành hình phạt tù 04 trường hợp, xét giảm thời gian thử thách của án treo cho 38 trường hợp, giảm hình phạt cải tạo không giam giữ cho 10 trường hợp.

- Kết quả kiểm tra, thanh tra:

+ Việc ra quyết định thi hành án: Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) đã ra quyết định thi hành án đối với 308 bị án; trong đó, có 160 bị án thi hành án phạt tù, 72 bị án thi hành án treo, 76 bị án thi hành án cải tạo không giam giữ. Đoàn thanh tra đã kiểm tra ngẫu nhiên 49 hồ sơ ra quyết định thi hành án trong các tháng 4,11/2022; tháng 7/2023 và tháng 8/2024.

+ Ủy thác thi hành án: 76 trường hợp; nhận ủy thác 14 trường hợp

+ Việc hoãn chấp hành án phạt tù: đã xem xét, quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho 03 trường hợp (02 trường hợp với lý do là lao động chính duy nhất trong gia đình, 01 trường hợp bị bệnh nặng), tại thời điểm thanh tra cả 03 trường hợp đã đi chấp hành án.

+ Việc xét giảm thời gian thử thách của án treo: đã xét giảm thời gian thử thách của án treo đối với 38 trường hợp.

2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

- Qua kiểm tra nhận thấy, công tác thi hành án hình sự được lãnh đạo các đơn vị Tòa án quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc. Về cơ bản, việc mở các loại sổ, ra quyết định thi hành án, ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, xét giảm thời gian thử thách của án treo đã được thực hiện đúng quy định của Quyết định số 289/QĐ-TANDTC ngày 15/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về ban hành hệ thống sổ nghiệp vụ trong hệ thống Tòa án; Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư liên tịch số 01 và số 02/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT và Thông tư liên tịch số 02/2021/TTLT).

- Đối với số bị án bị phạt tù đang tại ngoại đều được các Tòa án theo dõi, ra quyết định thi hành án kịp thời và đều có kết quả thông báo tiếp nhận của cơ quan thi hành án.

- Các trường hợp ủy thác thi hành án đều được ra trong thời hạn luật định, đúng biểu mẫu và được gửi đến nơi nhận ủy thác. Đối với các trường hợp nhận ủy thác các Tòa án đều tiến hành xác minh điều kiện thi hành án và ra quyết định thi hành án đúng quy định. Việc ủy thác thi hành án được ghi đầy đủ vào sổ theo dõi.

b) Tồn tại, hạn chế:

(1) Về sổ sách, hồ sơ theo dõi công tác thi hành án:

- Các Tòa án chỉ có một sổ theo dõi chung quyết định thi hành án, quyết định nhận ủy thác thi hành án, quyết định ủy thác thi hành án. Vì vậy, khó theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện;

- Một số cột mục trong sổ không được ghi chép đầy đủ nội dung yêu cầu;

- Tòa án nhân dân thành phố Huế và Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) hàng năm không tiến hành kết sổ theo đúng quy định;

- Hồ sơ thi hành án sắp xếp chưa khoa học, hồ sơ không đánh bút lục, nhiều tài liệu trùng lặp hoặc không liên quan vẫn được lưu giữ trong hồ sơ, cụ thể: Tòa án nhân dân thành phố Huế và Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc(cũ).

(2) Về việc ra quyết định thi hành án, quyết định ủy thác:

- Vẫn còn một số hồ sơ của các Tòa án ra quyết định quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 364 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015⁵.

⁵ Tòa án nhân dân thành phố Huế: Quyết định số 245/2023/QĐCA ngày 17/11/2023, Quyết định số 246/2023/QĐCA ngày 17/11/2023, Quyết định số 247/2023/QĐCA ngày 17/11/2023, Quyết định số 248/2023/QĐCA ngày 17/11/2023,

- Một số quyết định thi hành án không ghi rõ cơ quan, tên cơ quan có nhiệm vụ thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Thi hành án hình sự; phần nội dung không được gửi cho người đại diện cho bị án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 84 Luật Thi hành án hình sự là thiếu sót;

- Một số bản án, người bị hại, người đại diện của bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ thi hành án không có tài liệu phản ánh bản án đã được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để tính thời hiệu gửi quyết định thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Thi hành án hình sự;

- Một số quyết định thi hành án không được sửa đổi, bổ sung hoặc chậm sửa đổi, bổ sung khi Tòa án ra bản án đã có thông báo sửa chữa, bổ sung bản án có liên quan đến nội dung thi hành án;

- Hồ sơ ra quyết định thi hành án phạt tù bị án đang tạm giam không có tài liệu phản ánh quyết định thi hành án, thông báo sửa chữa quyết định thi hành án đã được gửi cho bị án, cơ quan thi hành án, Viện kiểm sát và Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Thi hành án hình sự. Đối với các trường hợp thi hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo; thi hành án phạt cải tạo không giam giữ cũng không có tài liệu nào phản ánh trong hồ sơ quyết định thi hành án đã được gửi cho cơ quan thi hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giáo dục, theo dõi việc cải tạo và chấp hành thi hành án của bị án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 84 và điểm c, d khoản 2 Điều 96 Luật Thi hành án hình sự. Đối với các bị án đã thi hành xong cũng không có Giấy chứng nhận hết thời hạn thi hành án của cơ quan Thi hành án theo quy định tại khoản 5 Điều 46 Luật Thi hành án hình sự, cụ thể: Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ); Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ);

- Một số hồ sơ thi hành án, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã ra quyết định thi hành án trước thời điểm nhận được bản án phúc thẩm (Quyết định thi hành án số 130/2023/QĐ-CA ngày 31/8/2023, Quyết định thi hành án số 131/2023/QĐ-CA ngày 31/8/2023, Quyết định thi hành án số 132/2023/QĐ-CA ngày 31/8/2023, Quyết định thi hành án số 100/2023/QĐ-CA ngày 12/7/2023, Quyết định thi hành án số 101/2023/QĐ-CA ngày 12/7/2023, Quyết định thi hành án số 102/2023/QĐ-CA ngày 12/7/2023, Quyết định thi hành án số 103/2023/QĐ-CA ngày 12/7/2023);

- Một số hồ sơ chậm ra quyết định ủy thác thi hành án, không có văn bản xác nhận của Tòa án nhận ủy thác.

(Các trường hợp hồ sơ thi hành án, ủy thác thi hành án có hạn chế, thiếu sót nêu tại Phụ lục 05)

(3) Về việc ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù:

a) Tòa án nhân dân thành phố Huế, trong tổng số 33 trường hợp được hoãn chấp hành hình phạt tù, có 07 trường hợp có sai sót trong việc áp dụng pháp luật, cụ thể:

Quyết định số 249/2023/QĐCA ngày 17/11/2023; Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ): Quyết định số 272/2024/QĐ-CA ngày 12/3/2024, Quyết định số 273/2024/QĐ-CA ngày 12/3/2024, Quyết định số 274/2024/QĐ-CA ngày 12/3/2024, Quyết định số 275/2024/QĐ-CA ngày 12/3/2024.

- Có 06 trường hợp cho hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do người bị kết án là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Qua kiểm tra hồ sơ thể hiện, chỉ có xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố không có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án phạt tù đang cư trú về việc họ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi là không đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT.

- Có 01 trường hợp cho hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do bệnh nặng: Hồ sơ phản ánh không có Kết luận của Hội đồng giám định y khoa hoặc bản sao bệnh án, kết luận của bệnh viện cấp tỉnh hoặc cấp quân khu trở lên hoặc có kết luận của tổ chức pháp y công lập về tình trạng bệnh tật của người bị kết án phạt tù theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT.

b) *Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ)*, trong tổng số 46 trường hợp được hoãn chấp hành hình phạt tù, có 19 trường hợp có sai sót trong việc áp dụng pháp luật, cụ thể:

- Có 04 trường hợp cho hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do người bị kết án là lao động duy nhất trong gia đình. Qua kiểm tra Hồ sơ không có Bản tường trình ghi rõ hoàn cảnh khó khăn, công việc, mức thu nhập, nơi làm việc và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị án cư trú, nhưng Tòa án vẫn cho bị án được hoãn chấp hành hình phạt tù là không đúng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT.

- Có 09 trường hợp cho hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do người bị kết án là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Qua kiểm tra hồ sơ thể hiện, không có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án phạt tù đang cư trú về việc họ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi là thiếu sót, chỉ có xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố là không đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT.

- Có 05 trường hợp cho hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do người bị kết án là phụ nữ đang có thai, các quyết định hoãn đều có thời hạn hoãn từ khi bị án đang có thai đến khi con đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 67 Bộ luật hình sự “*Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi*”. Các quyết định hoãn này đều có thời hạn là đủ 36 tháng là chưa áp dụng thống nhất theo quy định nêu trên của Bộ luật hình sự. Trong quá trình xét hoãn, cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù đảm bảo đúng tinh thần tại điểm b khoản 1 Điều 67 Bộ luật hình sự, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế của người bị xử phạt tù được hoãn chấp hành hình phạt (Tòa án nhân dân thành phố Huế: 05 hồ sơ).

- Có 01 trường hợp cho hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do: “bệnh nặng” nhưng không thuộc trường hợp bệnh nặng tới mức không thể chấp hành án và nếu phải chấp hành án sẽ nguy hiểm đến tính mạng, cho bị án hoãn chấp hành hình phạt tù là không đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT.



c) *Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ)*, trong tổng số 03 trường hợp được hoãn chấp hành án phạt tù, có 02 trường hợp có sai sót trong việc áp dụng pháp luật, cụ thể:

- Có 01 trường hợp cho hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do người bị kết án là lao động duy nhất trong gia đình: Hồ sơ không có Bản tường trình ghi rõ hoàn cảnh khó khăn, công việc, mức thu nhập, nơi làm việc và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú. Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) cho bị án được hoãn chấp hành hình phạt tù là không đúng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT.

- Có 01 trường hợp cho hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do bệnh nặng: Qua kiểm tra hồ sơ, các tài liệu về bệnh án của bị án chỉ là bản phô tô không phải bản sao bệnh án. Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) cho bị án hoãn chấp hành hình phạt tù là không đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT.

(Các trường hợp hoãn chấp hành hình phạt tù có thiếu sót, vi phạm nêu tại Phụ lục 06)

(4) Việc xét giảm thời gian thử thách của án treo

- Một số hồ sơ thi hành án của Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) thể hiện việc mở phiên họp xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo chậm so với quy định theo khoản 4 Điều 90 Luật Thi hành án hình sự (Quyết định số 13/2024/THAHS-QĐ ngày 06/5/2024, Quyết định số 16/2024/THAHS-QĐ ngày 06/5/2024, Quyết định số 15/2024/THAHS-QĐ ngày 06/5/2024, Quyết định số 14/2024/THAHS-QĐ ngày 06/5/2024).

- Một số hồ sơ thi hành án tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) thể hiện việc mở phiên họp xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo bị chậm so với quy định theo khoản 4 Điều 90 Luật Thi hành án hình sự (Quyết định số 06/2024/THAHS-QĐ ngày 27/8/2024, Quyết định số 06/2023/THAHS-QĐ ngày 28/4/2023, Quyết định số 18/2023/THAHS-QĐ ngày 28/4/2023, Quyết định số 16/2023/THAHS-QĐ ngày 28/4/2023, Quyết định số 17/2023/THAHS-QĐ ngày 28/4/2023).

VI. Việc chấp hành pháp luật trong công tác thi hành án hành chính

1. *Kết quả thanh tra, kiểm tra*

Kiểm tra Sổ thụ lý và giải quyết các vụ án hành chính sơ thẩm, phúc thẩm; Sổ theo dõi số bản án, quyết định về hành chính; Sổ theo dõi công tác thi hành án hành chính thuộc thẩm quyền của Tòa án; hồ sơ thi hành án hành chính; nghiên cứu báo cáo, tài liệu liên quan phục vụ công tác thanh tra về công tác thi hành án hành chính của Tòa án nhân dân thành phố Huế, thể hiện:

- Kết quả thụ lý, giải quyết vụ án hành chính: Trong kỳ kiểm tra, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý 124 vụ án, đã giải quyết 71 vụ án. Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm 71 vụ (kết quả: 10 vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, 29 vụ án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, 32 đình chỉ giải quyết vụ

án); giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là 10 vụ (kết quả: 06 vụ giữ nguyên bản án sơ thẩm, 04 vụ sửa bản án sơ thẩm).

- Về thi hành án hành chính thuộc trách nhiệm của Tòa án:

+ Trong kỳ thanh tra, kiểm tra, Tòa án nhân dân thành phố Huế có 10 bản án hành chính phải thi hành thuộc trách nhiệm của Tòa án. Tòa án đã ban hành 01 quyết định/01 bản án (Quyết định buộc thi hành án hành chính số 1132/QĐ-THA ngày 20/3/2023 theo đơn yêu cầu của bà Bùi Thị Hai lập ngày 13/3/2023 thi hành Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế); 09 bản án, người được thi hành án chưa có đơn yêu cầu Tòa án buộc thi hành án.

+ Qua kiểm tra nhận thấy, Tòa án nhân dân thành phố Huế không có số liệu báo cáo về số bản án mà người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án (do các cơ quan liên quan không cung cấp văn bản về việc tự nguyện thi hành).

2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

- Tòa án nhân dân thành phố Huế ban hành quyết định buộc thi hành án hành chính không nhiều (01 quyết định); quyết định thi hành án được ban hành đúng thời hạn theo quy định; về hình thức đúng Mẫu số 56HC kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Sổ theo dõi công tác thi hành án hành chính đã được mở, nội dung ghi chép rõ ràng, đầy đủ thông tin; tài liệu có trong hồ sơ thi hành án đều được đánh số bút lục. Trong kỳ kiểm tra, không có khiếu nại, tố cáo liên quan việc thi hành án hành chính.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Sổ thụ lý và giải quyết các vụ án hành chính sơ thẩm, Sổ thụ lý và giải quyết các vụ án hành chính sơ thẩm phúc thẩm chưa được cập nhật đầy đủ thông tin, ảnh hưởng việc theo dõi, tổng hợp kết quả.

- Tòa án nhân dân thành phố Huế chưa chủ động trong công tác theo dõi kết quả thi hành án của cơ quan phải thi hành được quy định tại khoản 2 Điều 311 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 10 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ.

VII. Thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; trách nhiệm tổ chức công tác xét xử

1. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1.1. Về công tác tiếp công dân

1.1.1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Tiến hành kiểm tra sổ theo dõi công tác tiếp dân, cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân, kết quả:

- *Tòa án nhân dân thành phố Huế*: công chức được phân công tiếp công dân thường xuyên, không có tổng hợp báo cáo; đối với lãnh đạo tiếp công dân: 07 lượt/07 công dân;

- *Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ)*, thực hiện việc tiếp công dân 6.540 lượt (trong đó: lãnh đạo Tòa án trực tiếp là 05 lượt/05 công dân; công chức tiếp công dân thường xuyên là 6.535 lượt. Tiếp nhận 41 lượt đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị có nội dung về tố tụng (tiếp nhận trực tiếp thông qua công tác tiếp công dân);

- *Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ)*, thực hiện việc tiếp công dân 1.416 lượt (trong đó: lãnh đạo Tòa án trực tiếp là 01 lượt/01 công dân; công chức tiếp công dân thường xuyên là 1.416 lượt);

1.1.2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

- Các Tòa án đã bố trí địa điểm tiếp công dân, đã ban hành quy chế hoạt động tiếp công dân.

- Việc tiếp công dân của lãnh đạo các Tòa án được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ (có lịch tiếp công dân định kỳ; có thông báo nội dung tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp và nội dung tiếp công dân của lãnh đạo; có ghi biên bản tiếp công dân).

- Việc tổ chức phân công cán bộ trực tiếp tiếp công dân được duy trì thường xuyên, theo đúng quy định Luật tiếp công dân;

- Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh liên quan đến công tác tiếp công dân.

- Việc theo dõi, tổng hợp, báo cáo về tình hình tiếp công dân của Tòa án nhân tỉnh Thừa Thiên Huế cho Tòa án nhân dân tối cao thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại địa điểm tiếp công dân của các Tòa án chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Luật Tiếp công dân và điểm i mục 1 Chỉ thị số 03/2022/CT-CA ngày 06/12/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tăng cường hiệu lực hiệu quả công tác tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Tòa án nhân dân, cụ thể: Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) không có biển hiệu địa điểm tiếp công dân;

- Sổ Tiếp công dân của các Tòa án ghi chép không đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 25 Luật Tiếp công dân.

- Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) chưa có bảng niêm yết công khai Nội quy tiếp công dân; Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) có niêm yết Nội quy tiếp công dân nhưng chưa phù hợp quy định tại Điều 18 Luật Tiếp công dân.

1.2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

1.2.1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

a) Đối với giải quyết khiếu nại

- *Tòa án nhân dân thành phố Huế*: đã tiếp nhận 68 đơn khiếu nại, gồm: 68 đơn khiếu nại về tố tụng; đơn khiếu nại về hành chính (theo Luật Khiếu nại và Thông

tư số 01/TT-TANDTC): không có⁶. Kết quả xử lý và giải quyết đơn: đã xử lý 66 đơn; trong đó: chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết 46 đơn; thụ lý giải quyết theo thẩm quyền 21 đơn (kết quả giải quyết: chấp nhận khiếu nại 01 đơn; không chấp nhận khiếu nại 18 đơn; rút đơn khiếu nại 01 đơn; đơn đang giải quyết 01 đơn, còn trong thời hạn). Trong số 21 đơn khiếu nại, có 13 đơn thuộc quy định tại Chương XII Bộ luật tố tụng dân sự và Chương XXI Luật tố tụng hành chính; 08 đơn thuộc quy định tại khoản 2 Điều 499 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 327 Luật tố tụng hành chính.

- *Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ)*: đã tiếp nhận 39 đơn (đơn khiếu nại về tố tụng 39 đơn; đơn khiếu nại về hành chính không có). Kết quả giải quyết: đã giải quyết 37 đơn/39 đơn (không chấp nhận khiếu nại 29 đơn; rút khiếu nại 07 đơn; không đủ điều kiện thụ lý 01 đơn). Trong số 39 đơn khiếu nại, có 35 đơn thuộc quy định tại Chương XII Bộ luật tố tụng dân sự và Chương XXI Luật tố tụng hành chính; 04 đơn thuộc quy định tại khoản 2 Điều 499 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 327 Luật tố tụng hành chính.

- *Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ)*: đã tiếp nhận 04 đơn (đơn khiếu nại về tố tụng 04 đơn; đơn khiếu nại về hành chính không có). Kết quả giải quyết: đã giải quyết 04 đơn (không chấp nhận khiếu nại 03 đơn; rút khiếu nại 01 đơn). Trong số 04 đơn khiếu nại, có 02 đơn thuộc quy định tại Chương XII Bộ luật Tố tụng dân sự và Chương XXI Luật tố tụng hành chính, 02 đơn thuộc quy định tại khoản 2 Điều 499 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 327 Luật tố tụng hành chính.

b) Đối với giải quyết tố cáo

- *Tòa án nhân dân thành phố Huế, đã tiếp nhận 02 lượt đơn/02 vụ việc tố cáo (tố cáo về hoạt động tố tụng)*. Trong đó, thuộc thẩm quyền 01 vụ việc; không thuộc thẩm quyền 01 vụ việc. Kết quả: Trả lại cho người tố cáo do không đủ điều kiện thụ lý 01 đơn/01 vụ việc; chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết 01 đơn/01 vụ việc.

- *Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ), đã tiếp nhận 02 lượt đơn/02 vụ việc tố cáo (tố cáo về hoạt động tố tụng)*. Trong đó, thuộc thẩm quyền 02 vụ việc. Kết quả giải quyết: tố cáo sai 02 vụ việc.

- *Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ)*, trong kỳ kiểm tra, thanh tra không có đơn tố cáo cả về hành chính và tố tụng.

1.2.2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

- Nhìn chung, công tác thụ lý giải quyết khiếu nại; thụ lý giải quyết tố cáo đều đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng; việc thực hiện quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo; ban hành quyết định giải quyết khiếu

⁶ Đơn khiếu nại lập ngày 27/3/2023 của bà Nguyễn Thị Hằng; trú tại số 5, ngách 219/64 Định Công Thượng, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội khiếu nại về việc thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 06/DS PT ngày 01/1980 của TAND tỉnh Bình Trị Thiên. Tòa án nhân dân thành phố Huế phân loại đơn khiếu nại về hành chính là chưa chính xác.

nại; xác minh nội dung tố cáo và thời hạn giải quyết tố cáo cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Các Tòa án đã mở sổ theo dõi việc nhận đơn, xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo; các nội dung trong cột mục được ghi đầy đủ, rõ ràng.

- Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các Tòa án sắp xếp khoa học, các danh mục tài liệu đều được đánh bút lục và ghi vào bìa hồ sơ, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho việc quản lý, khai thác và lưu trữ.

- Các Tòa án không có vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, tồn đọng kéo dài;

- Các Tòa án không có đơn khiếu nại, tố cáo do các cơ quan Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội chuyển đến;

- Bảo vệ người tố cáo: không phát sinh;

- Việc theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình khiếu nại và kết quả giải quyết khiếu nại; tình hình và kết quả giải quyết tố cáo của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện đầy đủ theo đúng yêu cầu của Tòa án nhân dân tối cao, khi có yêu cầu⁷.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Trong giải quyết khiếu nại: các Tòa án chưa tuân thủ đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại; như: chưa tổ chức đối thoại; chưa công khai quyết định giải quyết khiếu nại;

- Các Tòa án còn vi phạm về thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 194 Bộ luật tố tụng dân sự; như: Hồ sơ Công ty Cổ phần Đầu tư IMG Huế, Hồ sơ Công ty Cổ phần Hoài Nam của Tòa án nhân dân thành phố Huế; Hồ sơ Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Văn Toán, Tôn Thất Dũng - Hà Thị Kim Loan, Phạm Thị Trai, Nguyễn Thị Học và Lê Đình Dương của Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ); Hồ sơ Phan Đình Thành, Lê Tuấn Nhân và Đặng Thị Thùy của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ);

- Sổ thụ lý, theo dõi việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của các Tòa án chưa cập nhật đầy đủ thông tin (Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) cả năm 2023 bỏ trống không ghi).

(Các trường hợp có hạn chế, về giải quyết khiếu nại, tố cáo nêu tại Phụ lục 07)

2. Thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

2.1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra việc ban hành kế hoạch, văn bản trong công tác phòng, chống tham nhũng của Ban cán sự đảng, lãnh đạo Tòa án nhân dân thành

⁷ Tòa án nhân dân thành phố Huế đã có báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

phố Huế; kiểm tra các sổ sách, biên bản các cuộc họp Đảng ủy, chi bộ, cơ quan, đơn vị của các Tòa án.

2.2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm:

- Về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; các Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023, Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023, Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023; Thông báo số 12/-TB/TW ngày 06/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; các Chỉ thị, Nghị quyết của Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, của Thành ủy Huế, Thành ủy Huế (cũ) và Huyện ủy Phú Lộc (cũ) về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; hàng năm, các Tòa án thuộc đối tượng thanh tra đã xây dựng các chương trình, kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở từng đơn vị. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cũng được các Tòa án quan tâm.

- Việc thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: các Tòa án nhân dân thuộc đối tượng thanh tra đều thực hiện tốt việc công khai minh bạch tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình. Các đơn vị đều xây dựng đầy đủ hệ thống quy chế nội bộ cơ quan, đơn vị; như: Quy chế dân chủ trong cơ quan; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức người lao động trong đơn vị.... Tại Hội nghị cán bộ công chức hàng năm các đơn vị đều công khai minh bạch về thu, chi tài chính, ngân sách,... Các Tòa án cũng đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ theo Quy định về việc chuyển đổi vị trí công tác trong Tòa án nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 2008/QĐ-TANDTC ngày 26/11/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án nhân dân thành phố Huế đã ban hành Kế hoạch thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức trong Tòa án nhân dân hai cấp. Từ năm 2021 đến thời điểm thanh tra đã thực hiện việc điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với 37 công chức; trong đó, điều động từ tỉnh xuống huyện và ngược lại: 17 công chức; từ huyện này sang huyện khác: 14 công chức; điều động trong nội bộ Tòa án tỉnh 06 công chức⁸. Công tác cải cách hành chính tư pháp, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý cũng được các Tòa án thực hiện nghiêm túc, thường xuyên trên các mặt công tác, như: công tác nhận, thụ lý đơn tư pháp; đổi mới tổ chức các phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp.

⁸ Qua kiểm tra, Tòa án nhân dân hai cấp đã chuyển đổi các chức danh: Thư ký 20; Thẩm phán 14; các chức danh khác 03

- Việc xử lý và giải quyết phản ánh, tố cáo, báo cáo về tham nhũng: Trong kỳ kiểm tra không phát sinh.

- Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập: Tòa án nhân dân thành phố Huế đã chủ động xây dựng kế hoạch hằng năm về thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập và chế độ báo cáo công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập cho Cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập Tòa án nhân dân tối cao theo đúng quy định. 100% cán bộ, công chức Tòa án nhân dân hai cấp thuộc diện phải kê phải khai đã thực hiện kê khai và giải trình đầy đủ, trung thực. Công tác công khai minh bạch tài sản, đã được thực hiện nghiêm túc, đến nay chưa phát hiện trường hợp nào kê khai hoặc giải trình không trung thực.

+ Việc xử lý người có hành vi tham nhũng: Trong kỳ kiểm tra không phát sinh.

+ Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các Tòa án thuộc đối tượng thanh tra đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và hằng năm) chuyên đề, đột xuất về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho Ban Nội chính Thành ủy, cấp ủy cùng cấp; Tòa án nhân dân thành phố Huế thực hiện báo cáo cho Tòa án nhân dân tối cao, khi có yêu cầu.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Công tác kiểm tra của Tòa án nhân dân thành phố Huế đối với Tòa án nhân dân cấp huyện về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chưa được thường xuyên; chưa có giải pháp, biện pháp chủ động phòng ngừa hành vi tham nhũng, tiêu cực (qua kiểm tra không thấy tài liệu phản ánh về nội dung này);

- Qua công tác xác minh tài sản, thu nhập của các đối tượng thanh tra, còn có một số sai sót, vi phạm trong việc kê khai nhưng các Tòa án không kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm.

3. Việc thực hiện trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức công tác xét xử

Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra việc xây dựng chương trình, kế hoạch, văn bản điều hành và công tác tổ chức thực hiện của các Tòa án thể hiện trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức công tác xét xử, nhận thấy:

a) Ưu điểm:

- Hằng năm, ngay sau khi nhận được Chỉ thị của Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Chỉ thị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân thành phố Huế đã ban hành Nghị quyết xác định rõ trách nhiệm, chỉ tiêu xét xử cho các Tòa án cấp huyện, thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân thành phố và các Thẩm phán. Người đứng đầu các Tòa án đã có nhiều biện pháp, giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc.

- Trong kỳ thanh tra tỷ lệ giải quyết, xét xử các vụ việc cơ bản năm sau cao hơn năm trước.

- Công tác tập huấn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ đối với các đơn vị Tòa án cấp huyện được quan tâm, nhằm nâng cao chất lượng, tỷ lệ giải quyết các vụ việc; hạn chế những sai sót về nghiệp vụ nhất là hạn chế án bị hủy, sửa chủ quan.

- Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quán triệt thực hiện Thông tư 01/2022/TT-TANDTC ngày 15/12/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc phân công Thẩm phán giải quyết, xét xử các vụ việc thuộc thẩm quyền (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2022/TT-TANDTC) đến tất cả các đơn vị Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Huế. Về quy trình thực hiện như sau:

+ Tòa án nhân dân thành phố Huế: sau khi tiếp nhận hồ sơ các loại án, bộ phận Hành chính tư pháp lập phiếu đề xuất; Chánh văn phòng dựa trên danh sách Thẩm phán đã lập sẵn để tham mưu phân án ngẫu nhiên trình Chánh án phê duyệt và ban hành quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký.

+ Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ): đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phân công án cơ bản đảm bảo theo đúng Thông tư 01/2022/TT-TANDTC.

+ Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ): Việc phân công án dựa trên năng lực, điều kiện cụ thể, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng Thẩm phán theo các chỉ tiêu được giao cho đơn vị.

b) Tồn tại, hạn chế

Tại Tòa án nhân dân thành phố Huế, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ):

Tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 01/2022/TT-TANDTC quy định: “*Vụ việc Tòa án đã thụ lý phải lập thành danh sách; sắp xếp theo thứ tự thời gian thụ lý và phân chia theo từng loại vụ án, vụ việc (gọi là Danh sách vụ việc)*”. Tuy nhiên, Tòa án không lập danh sách vụ việc theo thứ tự thời gian thụ lý, Văn phòng chỉ căn cứ vào số vụ việc thụ lý và kết quả số vụ việc đã được phân lần trước (không đánh giá kết quả đã hoàn thành của Thẩm phán) để tham mưu phân án. Như vậy, là thực hiện chưa đúng theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 7, Điều 9 Thông tư số 01/2022/TT-TANDTC.

C. KẾT LUẬN

I. Trách nhiệm

1. Về công tác nhận đơn, thụ lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu

Việc các Tòa án không cập nhật đầy đủ các thông tin theo quy định vào Sổ theo dõi việc nhận đơn khởi kiện, đơn yêu và đề đơn khởi kiện, đơn yêu cầu vi phạm thời hạn xử lý (Tòa án nhân dân thành phố Huế có 99 đơn, Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 19 đơn, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) có 12 đơn) là thực hiện chưa nghiêm Quyết định số 289/QĐ-TANDTC ngày 15/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 121 Luật tố tụng hành chính.

Những thiếu sót, vi phạm nêu trên được chỉ ra tại mục I, phần B của Kết luận này thuộc trách nhiệm của công chức bộ phận Hành chính tư pháp; Chánh văn phòng

các Tòa án, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Huế, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ), Chánh án Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) và Thẩm phán được phân công xem xét đơn khởi kiện.

2. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ việc

Các Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử (Tòa án nhân dân thành phố Huế có 99 vụ việc; Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) có 100 vụ việc).

Những thiếu sót, vi phạm nêu trên được chỉ ra tại mục II, phần B của Kết luận này thuộc trách nhiệm của Thẩm phán được phân công giải quyết, xét xử các vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính về tạm đình chỉ giải quyết vụ việc

Việc để một số vụ án lý do tạm đình chỉ đã hết nhưng Thẩm phán không ra quyết định tiếp tục giải quyết theo đúng quy định; việc ra quyết định tạm đình chỉ nhưng không ghi điều khoản áp dụng; để vụ án tạm đình chỉ kéo dài, nhưng không được theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân khắc phục để kịp thời đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật và một số hạn chế, thiếu sót khác là thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 214, khoản 4 Điều 215, Điều 216 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 141 Luật tố tụng hành chính.

Những thiếu sót, vi phạm nêu trên được chỉ ra tại mục III, phần B của Kết luận này thuộc trách nhiệm của Thẩm phán được phân công giải quyết, xét xử các vụ án.

4. Về xử lý trách nhiệm của Thẩm phán trong việc ban hành bản án, quyết định bị hủy, sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan

Trong nhiệm kỳ hiện tại của các Thẩm phán, có 01 Thẩm phán có bản án, quyết định bị Tòa án cấp có thẩm quyền hủy, sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ trên 1,16%. Hạn chế, thiếu sót này đã được nêu tại mục IV, phần B của Kết luận này thuộc trách nhiệm của Thẩm phán có vi phạm.

5. Việc chấp hành pháp luật trong công tác thi hành án hình sự

Việc ghi chép Sổ sách còn lộn xộn, hồ sơ thi hành án xong đưa vào lưu trữ nhưng chưa đánh bút lục; các tài liệu chưa được gửi đầy đủ cho đương sự và các cơ quan tổ chức theo quy định; chưa kết sổ vào cuối năm; vẫn còn một số trường hợp chậm ra quyết định thi hành án hình sự hoặc ra quyết định thi hành án hình sự trước thời điểm nhận được bản án phúc thẩm vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 364 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; chậm mở phiên họp xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo vi phạm khoản 4 Điều 90 Luật Thi hành án hình sự; việc ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù còn có trường hợp chưa bảo đảm điều kiện được hoãn, thủ tục xác nhận của chính quyền địa phương là thực hiện chưa nghiêm quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT.

Chánh án, Phó Chánh án được giao phụ trách công tác thi hành án hình sự phải chịu trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu về các thiếu sót, vi phạm tại mục V, phần B của Kết luận này.

Trưởng phòng Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án của Tòa án nhân dân thành phố Huế; Công chức Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ), Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) phải chịu trách nhiệm tham mưu về những thiếu sót, vi phạm về công tác thi hành án hình sự nêu tại mục V, phần B của Kết luận này.

6. Việc chấp hành pháp luật trong công tác thi hành án hành chính

Công tác thi hành án hành chính còn hạn chế, thiếu sót, đó là: Sở thụ lý, giải quyết án hành chính chưa được cập nhật đầy đủ thông tin, ảnh hưởng việc theo dõi, tổng hợp kết quả.

Những thiếu sót nêu trên được chỉ ra tại mục VI phần B của Kết luận này thuộc trách nhiệm tham mưu của công chức các Tòa án, cần phải rút kinh nghiệm.

7. Về trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; trách nhiệm tổ chức công tác xét xử

- *Công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo* có thiếu sót, vi phạm là: Sở thụ lý, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; Sở tiếp công dân chưa được theo dõi, cập nhật đầy đủ; một số hồ sơ giải quyết khiếu nại trong tố tụng còn vi phạm thời hạn; các Tòa án chưa tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại: chưa tổ chức đối thoại, chưa công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

Những thiếu sót, vi phạm nêu trên đã được chỉ ra tại tiểu mục 1, mục VII, phần B của Kết luận này thuộc trách nhiệm của Chánh án, Phó Chánh án được giao phụ trách, Thẩm tra viên tham mưu về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của các Tòa án.

- *Về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực*, công tác kiểm tra của Tòa án nhân dân thành phố Huế đối với Tòa án nhân dân cấp huyện về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chưa được thường xuyên; chưa có giải pháp, biện pháp chủ động phòng ngừa hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Những thiếu sót, vi phạm nêu trên đã được chỉ ra tại tiểu mục 2, mục VII, phần B của Kết luận này thuộc trách nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Huế là người đứng đầu và Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Thanh tra và Thi đua khen thưởng chịu trách nhiệm tham mưu.

- *Về công tác tổ chức xét xử*, việc phân công Thẩm phán giải quyết, xét xử vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án cơ bản được thực hiện theo quy định tại Thông tư

01/2022/TT-TANDTC. Tuy nhiên, tại Tòa án nhân dân thành phố Huế, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư 01/2022/TT-TANDTC. Các Tòa án cần rút kinh nghiệm, chấn chỉnh chung.

Những hạn chế, thiếu sót nêu trên đã được chỉ ra tại tiêu mục 3, mục VII, phần B của Kết luận này thuộc trách nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Huế, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (cũ) và Chánh Văn phòng các Tòa án chịu trách nhiệm tham mưu.

II. Biện pháp xử lý

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị Tòa án thực hiện ngay những nội dung sau:

1. Đối với các Tòa án là đối tượng thanh tra

1.1. Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh, khắc phục ngay những vi phạm, thiếu sót mà Đoàn Thanh tra đã phát hiện và chỉ ra tại Kết luận này. Cụ thể:

- Khẩn trương rà soát, có biện pháp khắc phục hậu quả đối với các trường hợp vi phạm thời hạn về xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu; các vụ án để quá thời hạn giải quyết; các vụ án tạm đình chỉ; các trường hợp hoãn chấp hành hình phạt tù vi phạm quy định của pháp luật và các hạn chế, thiếu sót, vi phạm trong giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo.

- Chấn chỉnh công tác hành chính tư pháp: đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của công dân gửi đến Tòa án phải được cập nhật đầy đủ kịp thời và phải được ghi chép vào Sổ nhận đơn, thụ lý đơn khởi kiện; quá trình xử lý đơn phải đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc việc phân công án ngẫu nhiên theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-TANDTC ngày 15/12/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc phân công Thẩm phán, giải quyết, xét xử vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án.

1.2. Tổ chức thực hiện kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án có vi phạm theo Quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân (ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-TANDTC ngày 19/6/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

1.3. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ; tăng cường công tác kiểm tra công vụ trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của các Tòa án, nhất là hoạt động xét xử, công tác thi hành án hình sự; kịp thời phát hiện những sai sót để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục.

1.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và quán triệt thực hiện các văn bản pháp luật về thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; có các biện pháp phòng ngừa không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan đơn vị mình; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

1.5. Tăng cường, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong các hoạt động quản lý, theo dõi đối với công tác nhận đơn, thụ lý; tiến độ, kết quả giải quyết các

loại việc thuộc thẩm quyền; công tác thi hành án hình sự, qua đó phát hiện và có giải pháp khắc phục kịp thời; bảo đảm kết nối liên thông giữa các bộ phận trong cơ quan và với Tòa án cấp trên, tiến tới kết nối với hệ thống chung của Tòa án nhân dân khi điều kiện cho phép.

2. Đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao

2.1. Giao Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao theo dõi, đôn đốc và báo cáo việc thực hiện Kết luận thanh tra của các Tòa án. Cụ thể:

- Theo dõi, đôn đốc việc kiểm điểm, khắc phục hậu quả của các Tòa án đối với các vi phạm, thiếu sót đã được chỉ ra tại Kết luận này;

- Kiểm tra việc xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân có vi phạm đã được chỉ ra tại Kết luận này; nếu phát hiện vi phạm thì kiến nghị xem xét xử lý theo quy định.

2.2. Giao Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học phối hợp với Thanh đề xuất Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành văn bản pháp luật hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng, nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các Tòa án trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Kết luận thanh tra tại Tòa án nhân dân thành phố Huế và một số đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc thành phố Huế. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Huế chỉ đạo tổ chức thực hiện những nội dung tại Kết luận này; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những vi phạm, thiếu sót nêu trên. Báo cáo kết quả về Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố Kết luận./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- TAND thành phố Huế (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc TANDTC: Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Thanh tra (để thực hiện);
- Lưu: VP, HSTTr (02).

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến